

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 1158/2023/HC-ST

Ngày: 12-7-2023

V/v khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực giao thông
đường bộ.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Bảo Nguyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Mai

2. Ông Trần Ngọc Thực

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thái Ngọc Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:** Bà Trần Thị Thơm – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2023 tại điểm cầu trung tâm là Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh gồm: Hội đồng xét xử, Thư ký ghi biên bản phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Người đại diện theo ủy quyền của Người khởi kiện và điểm cầu thành phần đặt tại Trụ sở Ủy ban nhân dân phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh gồm Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Người bị kiện; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 336/2022/TLST- HC ngày 20/12/2022 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2661/2023/QĐXXST-HC ngày 19 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Trần Thị P (Vắng mặt)

Địa chỉ: khu phố 2, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị P:

- Ông Đoàn Hữu S (Có mặt)

- Bà Nguyễn Thùy L (Có mặt)

Cùng địa chỉ: phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Người bị kiện:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt)

Địa chỉ: phường M, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Ông Nguyễn Tấn T – Phó trưởng phòng Quản lý đô thị - Đội trưởng Đội Quản lý Trật tự Đô thị thành phố T. (Vắng mặt)

- Ông Nguyễn Minh V – Cán sự Đội Quản lý Trật tự Đô thị thành phố T. (Có mặt)

- Ông Cù Duy Q – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường L, thành phố T. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 09/11/2022 cùng các tài liệu, chứng cứ đã thu thập và tại phiên tòa bà Trần Thị P có ông Đoàn Hữu S và bà Nguyễn Thùy L đại diện trình bày:

Ngày 29 tháng 8 năm 2022, Chủ tịch Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) thành phố T ban hành Quyết định số 5950/QĐ-KPHQ “Buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả” đối với bà Trần Thị P (viết tắt Quyết định số 5950/QĐ-KPHQ ngày 29 tháng 8 năm 2022), do đã có hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm a khoản 3 Điều 15 Nghị định số 146/2007/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2007 “Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ” của Chính phủ (viết tắt là NĐ 146/2007/NĐ-CP). Theo đó, Quyết định số 5950/QĐ-KPHQ buộc bà P phá dỡ công trình, bộ phận công trình xây dựng vi phạm có diện tích 20,5m², kết cấu tường gạch, mái tôn và yêu cầu bà chi trả mọi chi phí tổ chức thi hành biện pháp khắc phục hậu quả.

Bà P không Đ ý với Quyết định số 5950/QĐ-KPHQ ngày 29 tháng 8 năm 2022 vì Chủ tịch UBND thành phố T ban hành quyết định này là không có căn cứ pháp luật, cũng như trình tự, thủ tục ban hành không đúng theo quy định của pháp luật. Việc thi hành Quyết định số 5950/QĐ-KPHQ ngày 29 tháng 8 năm 2022 sẽ gây thiệt hại trực tiếp đến quyền lợi hợp pháp của bà P.

Căn cứ các nội dung sau:

Thứ nhất, công trình xây dựng của bà P đã được UBND quận T cấp phép và xây dựng đúng theo giấy phép được cấp.

Gia đình bà P hiện thường trú tại địa chỉ Khu phố 2, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Nhà đất của gia đình bà P đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3912/2008/GCN được UBND quận T cấp ngày 12 tháng 6 năm 2008. (viết tắt GCN số 3912/2008/GCN ngày 12 tháng 6 năm 2008)

Tháng 5 năm 2009, bà P có xây dựng mới một dãy trọ tại địa chỉ trên, bà P đã thực hiện thủ tục xin phép xây dựng theo quy định pháp luật và đã được UBND quận T cấp Giấy phép xây dựng (viết tắt GPXD) số 1194/GPXD ngày 13 tháng 5 năm 2009.

Trước đó, trên khu đất có một lối đi chung để gia đình bà P và hộ Cha Mẹ của ông Nguyễn Ngọc Đ cùng sử dụng. Trước khi bà P xây dựng khu nhà trọ năm 2009 lối đi chung này đã nhiều năm không sử dụng. Khi gia đình tiến hành xây dựng công trình theo Giấy phép xây dựng đã được cấp thì ông Đ cho rằng dãy nhà trọ của bà P lấn vào phần lối đi, ông Đ đã làm đơn khiếu nại lên UBND phường L. Sau khi UBND phường L tiến hành hòa giải, bà P đã nộp hồ sơ điều

chỉnh GPXD theo phương án giải quyết tranh chấp được các bên thống nhất tại Biên bản ngày 31 tháng 6 năm 2009 của UBND phường L và Biên bản ghi nhận ngày 04 tháng 7 năm 2009 của Ban Tư pháp UBND phường L. UBND quận T đã thu hồi GPXD số 1194/GPXD và cấp mới cho bà P GPXD số 1757/GPXD ngày 30 tháng 6 năm 2009. Bà P đã tiếp tục xây dựng công trình đúng theo giấy phép này.

Vì vậy, Quyết định số 5950/QĐ-KPHQ ngày 29 tháng 8 năm 2022 cho rằng bà P xây dựng “công trình trái phép” là không có căn cứ. Trước khi xây dựng công trình, bà P đã tiến hành thủ tục xin cấp phép theo quy định và đã được UBND quận T cấp GPXD. Hơn nữa, trong hơn 10 năm từ khi bắt đầu xây dựng, điều chỉnh GPXD, hoàn thành công trình, sử dụng công trình cho đến hiện tại, bà P không được bất kỳ cơ quan quản lý nào cho biết rằng công trình xây dựng của bà P là trái phép.

Thứ hai, Quyết định số 5950/QĐ-KPHQ ngày 29 tháng 8 năm 2022 không có căn cứ pháp luật, trình tự thủ tục ban hành không đúng theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Tại Biên bản vi phạm hành chính ngày 25 tháng 7 năm 2022 của UBND phường L, phần hành vi vi phạm hành chính được ghi: “Xây dựng nhà, công trình kiên cố khác trái phép trong phạm vi đất dành cho đường bộ với diện tích 20,5m²”, thời điểm vi phạm là tháng 7/2009. Công chức địa chính cho rằng đây nhà trọ của bà P đã lấn vào một phần lối đi với hộ ông Đ và xác định phần lối đi này là đất dành cho đường bộ.

Nội dung khoản 3 Điều 1 Quyết định số 5950/QĐ-KPHQ ngày 29 tháng 8 năm 2022 xác định bà P đã có hành vi vi phạm hành chính được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 15 Nghị định số 146/2007/NĐ-CP (sau đây gọi là NĐ 146/2007/NĐ-CP) ngày 14 tháng 9 năm 2007, cụ thể: “...*Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau... Xây dựng nhà, công trình kiên cố khác trái phép trong phạm vi đất dành cho đường bộ...*” Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 4, Điều 3 Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH ngày 13 tháng 11 năm 2008: “...*Đất của đường bộ là phần đất trên đó công trình đường bộ được xây dựng và phần đất dọc hai bên đường bộ để quản lý, bảo trì, bảo vệ công trình đường bộ...*”; khoản 2 điều này cũng quy định “...*Công trình đường bộ gồm đường bộ, nơi dừng xe, đỗ xe trên đường bộ, đèn tín hiệu, biển báo hiệu, vạch kẻ đường, cọc tiêu, rào chắn, đảo giao thông, dải phân cách, cột cây số, tường, kè, hệ thống thoát nước, trạm kiểm tra tải trọng xe, trạm thu phí và các công trình, thiết bị phụ trợ đường bộ khác...*”, nghĩa là: Đất của đường bộ là phần đất mà trên đó cơ quan Nhà nước xây dựng công trình đường bộ và được cơ quan Nhà nước quản lý theo quy định.

Tuy nhiên, trên thực tế con đường trên là lối đi chung nằm trong diện tích đất của gia đình bà P, là đường nội bộ rộng chỉ khoảng 1 mét mà bà P đã đồng ý cho bố mẹ ông Đ sử dụng làm lối đi chung ra giếng nước (có hình ảnh). Từ năm 1962 cho đến nay chỉ có hộ gia đình bà P và gia đình ông Đ sử dụng, cơ quan Nhà nước không quản lý và xây dựng bất kỳ công trình đường bộ nào trên lối đi này, từ xưa đến nay hoàn toàn do bà P tự quản lý sử dụng, vì vậy không có bất

cứ cơ sở nào để xác định lối đi trên là nằm trên đất đường bộ. Rõ ràng, Biên bản vi phạm hành chính xác định dây nhà trọ của bà P xây lấn vào phạm vi đất dành cho đường bộ là không có căn cứ. Do đó, Quyết định số 5950/QĐ-KPHQ ngày 29 tháng 8 năm 2022 áp dụng quy định tại điểm a khoản 3 Điều 15 NĐ 146/2007/NĐ-CP để xử phạt vi phạm hành chính là không có căn cứ pháp luật.

Ngoài ra, tại khoản 6 Điều 1 Quyết định số 5950/QĐ-KPHQ ngày 29 tháng 8 năm 2022 về biện pháp khắc phục hậu quả chỉ nêu chung chung, buộc bà P phải "... phá dỡ công trình, bộ phận công trình xây dựng vi phạm có diện tích 20,5m². Kết cấu: tường gạch, mái tôn.", và ngoài quyết định này bà P cũng không nhận được văn bản hướng dẫn cụ thể nào khác từ UBND thành phố T. Công trình dây trọ của bà P được xây dựng từ năm 2009, diện tích sàn theo giấy phép xây dựng là $4 \times 18 = 72\text{m}^2$. Như vậy, với nội dung Quyết định này thì không thể xác định cụ thể chiều dài, rộng của phần diện tích 20,5m² vi phạm, trong khi đó theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 2 Nghị định 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013: *"... Việc quy định biện pháp khắc phục hậu quả đối với từng hành vi vi phạm hành chính phải căn cứ vào các yêu cầu sau... Phải được mô tả rõ ràng, cụ thể để có thể thực hiện được trong thực tiễn và phải bảo đảm tính khả thi..."*. Việc ban hành Quyết định số 5950/QĐ-KPHQ ngày 29 tháng 8 năm 2022 không nêu cụ thể xuất phát từ việc lối đi trước công trình của bà P là lối nội bộ, không phải công trình giao thông do Nhà nước quản lý.

Trình tự thủ tục ban hành Quyết định cũng không đúng theo quy định pháp luật, không đúng quy định tại điểm c khoản 3 Điều 2 Nghị định 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 về xử phạt vi phạm hành chính, khi không mô tả rõ ràng và không đảm bảo tính khả thi của Quyết định.

Thứ ba, tranh chấp về lối đi chung là quan hệ dân sự, không thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan quản lý hành chính.

Như bà P đã nêu ở trên, lối đi này là đường đi nội bộ mà bà P đã thống nhất với bố mẹ ông Đ dùng làm lối đi chung ra giếng nước từ khoảng năm 1962, từ đó đến nay chỉ có bà P và hộ ông Đ sử dụng. Năm 2009 khi bà P xây dựng dây nhà trọ, có xảy ra tranh chấp về lối đi chung với ông Đ và UBND phường L đã giải quyết tranh chấp này. Trong quá trình giải quyết tranh chấp, bà P và ông Đ đã thống nhất đo ra 01 mét tính từ mép giếng là phần đất của bà P, phần còn lại là lối đi chung để bà P và hộ ông Đ cùng sử dụng. Điều này được ghi nhận tại *"Biên bản ngày 31 tháng 6 năm 2009"* của UBND phường L và *"Biên bản ghi nhận ngày 04 tháng 7 năm 2009"* của Ban Tư pháp UBND phường L. Sau khi UBND phường L cấm cọc lối đi chung, bà P đã điều chỉnh GPXD số 1194/GPXD ngày 13 tháng 5 năm 2009. UBND quận T đã hủy GPXD số 1194/GPXD và cấp cho bà P GPXD số 1757/GPXD ngày 30 tháng 6 năm 2009 theo đúng phương án giải quyết tranh chấp đã được các bên thống nhất.

Tuy đã thống nhất phương án giải quyết và ký vào các biên bản nhưng ông Đ vẫn tiếp tục khiếu nại và ông Đ cho rằng lối đi này rộng 04 mét và yêu cầu khôi phục theo *"Trích lục bản đồ số 299/TTg ngày 25 tháng 1 năm 1988"*. Thực tế ông Đ cũng không đưa ra được tài liệu nào làm căn cứ chứng minh về kích thước của lối đi này. Mặt khác, các hộ dân xung quanh cũng đồng ý lối đi

chỉ rộng khoảng hơn 01 mét, hiện trạng lối đi hiện nay chỉ có bà P và hộ ông Đ sử dụng, các hộ dân đã sử dụng ổn định, lâu dài (tường rào, công trình nhà ở) và chuyển nhượng cho hộ khác, nên cũng không Đ ý với yêu cầu của ông Đồng.

Bên cạnh đó, trên thực tế ông Đ không sinh sống tại khu đất này. Bà P được biết ông Đ được chia phần đất này từ khu đất của gia đình vào năm 1993, lối đi chính của khu đất gia đình ông Đ là đường Linh Trung. Vị trí phần đất của ông Đ nằm ở góc trong cùng khu đất của gia đình, tuy nhiên do mâu thuẫn, các anh em trong gia đình không mở lối đi chung cho ông ra đường Linh Trung, vậy nên ông Đ đã sử dụng lối đi qua trên phần đất của bà P.

Như vậy, việc ông Đ cho rằng lối đi trên phải rộng hơn hiện trạng và có cơ sở khẳng định gia đình bà P xây dựng công trình lên lối đi chung thì ông Đ phải khởi kiện đến Tòa án để yêu cầu giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự.

Từ những căn cứ và tài liệu kèm theo, bà P khẳng định việc bà P xây dựng công trình nhà trọ là theo Giấy phép xây dựng đã được cấp năm 2009, lối đi trước công trình là lối đi chung do bà P và các hộ liền kề tự thống nhất chưa làm lối đi chung và bà P tự quản lý sử dụng (Không phải công trình giao thông đường bộ do Nhà nước quản lý).

Vì vậy, bà P không thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm a khoản 3 Điều 15 Nghị định số 146/2007/NĐ-CP. Quyết định hành chính số 5950/QĐ-KPHQ buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả ngày 29 tháng 8 năm 2022 buộc bà P tháo dỡ công trình, bộ phận công trình xây dựng vi phạm có diện tích 20,5m² là không có căn cứ pháp luật, trình tự thủ tục ban hành không đúng theo quy định về xử phạt hành chính, làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi hợp pháp và tài sản của bà P.

Vì những lý do trên, bà P yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 5950/QĐ-KPHQ ngày 29/8/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

**Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T vắng mặt.
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện là ông Nguyễn Minh V trình bày:**

1. Nội dung vụ việc:

Ngày 25 tháng 7 năm 2022, UBND phường L lập Biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ số 148/BB-VPHC đối với bà Trần Thị P do có hành vi xây dựng nhà, công trình kiên cố khác trái phép trong phạm vi đất dành cho đường bộ với diện tích 20,5m²; kết cấu: tường gạch, mái tôn; thời điểm vi phạm: tháng 7 năm 2009, quy định tại khoản 3 Điều 15 Nghị định số 146/2007/NĐ-CP.

Thời điểm vi phạm của bà Trần Thị P vào tháng 7 năm 2009, đến thời điểm lập Biên bản vi phạm hành chính đã hết thời hiệu xử phạt. Do đó, UBND thành phố T không ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính mà ban hành Quyết định số 5950/QĐ-KPHQ ngày 29 tháng 8 năm 2022 về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Trần Thị P.

Ngày 04 tháng 01 năm 2023, UBND thành phố T ban hành Quyết định số 116/QĐ-CCXP về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Trần Thị P.

2. Ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T:

Căn cứ Điều 28, Điều 57, Điều 68, Điều 86, Điều 87 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 146/2007/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2007 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ;

Việc Chủ tịch UBND thành phố T ban hành Quyết định số 5950/QĐ-KPHQ ngày 29 tháng 8 năm 2022 và Quyết định số 116/QĐ-CCXP ngày 04 tháng 01 năm 2023 đối với bà Trần Thị P là đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới. Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện có ý kiến:

-Không có cơ sở xác định có con đường tại vị trí UBND phường L lập Biên bản vi phạm hành chính.

-Tránh việc sau này có xử lý lần 2, đề nghị Chủ tịch UBND thành phố T xem xét kỹ lại vấn đề, thu hồi lại Quyết định số 5950/QĐ-KPHQ ngày 29 tháng 8 năm 2022 để việc xử lý (nếu có) đúng quy định pháp luật.

Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Người bị kiện là ông Nguyễn Minh V và ông Cù Duy Q đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của bà P, có ý kiến trình bày:

-Việc lập Biên bản vi phạm hành chính của UBND phường L là đúng quy định pháp luật.

-Diện tích nhà bị lập Biên bản vi phạm hành chính là 20,5m² nằm trong diện tích được cấp GCN số 3912/2008/GCN và GPXD số 1757/GPXD.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn, tiến hành đầy đủ các hoạt động tố tụng, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

Kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh luận giữa các bên đương sự; Những người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Bà Trần Thị P khởi kiện Chủ tịch UBND thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 5950/QĐ-KPHQ ngày 29 tháng 8 năm 2022 “Buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả” đối với bà Trần Thị P, đây là việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ”, loại việc thuộc quy định tại Điều 3 Luật Tổ tụng hành chính. Căn cứ các Điều 30 và Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính, vụ án do Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử theo thủ tục sơ thẩm.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

[2.1]. Chủ tịch UBND thành phố T và ông Nguyễn Tấn T, đã có văn bản yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, do vậy căn cứ theo quy định tại Điều 157 và Điều 158 Luật Tổ tụng hành chính Tòa án xét xử vắng mặt đương sự và ông Thành.

[2.2]. Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 29 tháng 8 năm 2022 Chủ tịch UBND thành phố T ban hành Quyết định số 5950/QĐ-KPHQ, đến ngày 09 tháng 11 năm 2022 bà P nộp đơn khởi kiện quyết định, như vậy việc khởi kiện của bà P còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[3]. Xét Quyết định số 5950/QĐ-KPHQ ngày 29 tháng 8 năm 2022.

[3.1]. Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành quyết định.

Ngày 25 tháng 7 năm 2022, UBND phường L lập Biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ số 148/BB-VPHC đối với bà Trần Thị P do có hành vi xây dựng nhà, công trình kiên cố khác trái phép trong phạm vi đất dành cho đường bộ với diện tích 20,5m² (kèm theo họa đồ vị trí hiện trạng xác định diện tích vi phạm); kết cấu: tường gạch, mái tôn; thời điểm vi phạm: tháng 7 năm 2009, quy định tại khoản 3 Điều 15 Nghị định số 146/2007/NĐ-CP.

Thời điểm vi phạm của bà Trần Thị P vào tháng 7 năm 2009, đến thời điểm lập biên bản vi phạm hành chính đã hết thời hiệu xử phạt. Do đó, UBND thành phố T không ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính mà ban hành Quyết định số 5950/QĐ-KPHQ ngày 29 tháng 8 năm 2022 về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Trần Thị P.

Căn cứ Điều 58, Điều 66, Điều 67 và Điều 68 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng 11 năm 2020) việc lập Biên bản vi phạm hành chính của UBND phường L và ban hành quyết định của Chủ tịch UBND thành phố T là đúng thủ tục, trình tự và đúng thẩm quyền.

[3.2]. Xét nội dung quyết định.

[3.2.1]. Về pháp lý phần diện tích đất 20,5m² và công trình trên đất bị lập Biên bản vi phạm hành chính ngày 25 tháng 7 năm 2022.

Theo GCN số 3912/2008/GCN được UBND quận T cấp ngày 12 tháng 6 năm 2008 cho bà Trần Thị P tại địa chỉ 6/5 đường Linh Trung, Khu phố 2, phường L, thành phố T có bao gồm phần diện tích đất 20,5m² nói trên.

Tháng 5 năm 2009, bà P được UBND quận T cấp Giấy phép xây dựng số 1194/GPXD ngày 13 tháng 5 năm 2009. Tuy nhiên, do có tranh chấp với hộ ông Nguyễn Ngọc Đồng về lối đi chung, sau khi UBND phường L hòa giải tranh chấp, đến ngày 30 tháng 6 năm 2009 UBND quận T cấp cho bà P GPXD số 1757/GPXD (đã thu hồi, hủy bỏ GPXD số 1194/GPXD). Bà P tiến hành xây dựng công trình trên đất vào năm 2009.

Ngày 05 tháng 12 năm 2011, UBND quận T ban hành Quyết định “Về việc hủy giấy chứng nhận QSHNO và QSDĐO” số 6768/QĐ-UBND hủy bỏ GCN số 3912/2008/GCN được UBND quận T cấp ngày 12 tháng 6 năm 2008 cho bà Trần Thị P (Lý do: Công nhận phần đất thuộc một phần đường theo tài liệu 299/TTg); đến ngày 27 tháng 6 năm 2019 UBND quận T ban hành Quyết định số 3493/QĐ-UBND “Về việc thu hồi Giấy phép xây dựng số 1757/GPXD ngày 30/6/2009 do UBND quận T cấp cho bà Trần Thị P...”.

Như vậy, từ thời điểm tháng 7 năm 2019 đến nay nhà đất tại địa chỉ 6/5 đường Linh Trung, Khu phố 2, phường L, thành phố T (bao gồm cả phần diện tích 20,5m²) của gia đình bà P chưa được công nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.

[3.2.2]. Căn cứ Trích lục bản đồ (Theo giải thửa mới 299/TTg) ngày 25 tháng 01 năm 1988, Bản đồ hiện trạng vị trí số HD:09/0308/NV do Công ty Dịch vụ Tư vấn kiến trúc xây dựng Nam Việt lập năm 2008 theo yêu cầu của bà Trần Thị P để cấp Giấy chứng nhận QSH nhà ở và QSD đất ở tại địa chỉ 6/5 đường Linh Trung, Khu phố 2, phường L, quận T và Bản đồ hiện trạng vị trí – áp ranh số hợp đồng: 20079/ĐĐBD-CNTĐ do Trung tâm Đo đạc bản đồ lập ngày 14 tháng 12 năm 2016 theo yêu cầu của UBND quận Thủ Đức, có cơ sở xác định phần nhà đất có diện tích 20,5m² bị UBND phường L lập Biên bản vi phạm hành chính số 148/BB-VPHC thuộc đường theo tài liệu 299/TTg.

[3.2.3]. Tại điểm a khoản 3 Điều 15 Nghị định 146/2007/NĐ-CP quy định:

“3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Xây dựng nhà, công trình kiên cố khác trái phép trong phạm vi đất dành cho đường bộ;”

Như vậy, UBND phường L lập Biên bản vi phạm hành chính số 148/BB-VPHC xác định bà P có hành vi: “Xây dựng nhà, công trình kiên cố khác trái phép trong phạm vi đất dành cho đường bộ với diện tích 20,5m². Kết cấu: tường gạch, mái tôn. Thời điểm vi phạm: tháng 7/2009” là có cơ sở.

Căn cứ khoản 4 Điều 15 Nghị định 146/2007/NĐ-CP quy định:
“ 4.Ngoài việc bị phạt tiền, cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm quy định tại các

khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này còn bị áp dụng các biện pháp sau đây: buộc phải dỡ bỏ các công trình xây dựng, di dời cây trồng trái phép, thu dọn vật liệu, phế thải, hàng hóa và khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra.” và khoản 2 Điều 43 Nghị định 146/2007/NĐ-CP, Chủ tịch UBND thành phố T ra quyết định Quyết định số 5950/QĐ-KPHQ về “Buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả” ngày 29 tháng 8 năm 2022 có nội dung buộc bà Trần Thị P phá dỡ công trình, bộ phận công trình xây dựng vi phạm có diện tích 20,5m². Kết cấu: tường gạch, mái tôn là phù hợp pháp luật.

[3.3]. Các lập luận, chứng cứ của phía Người khởi kiện là thiếu căn cứ, không phù hợp với nội dung, bản chất sự việc tranh chấp nên không có cơ sở chấp nhận.

Yêu cầu khởi kiện của bà P không có căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử bác yêu cầu.

[4]. Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5]. Về án phí hành chính sơ thẩm: Bà P phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 193, Điều 194 và Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính; Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng 11 năm 2020; Nghị định số 146/2007/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2007 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị P về việc khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 5950/QĐ-KPHQ “Buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả” ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: Bà P phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Chuyển số tiền tạm ứng án phí bà P đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số AA/2021/0003715 ngày 15/12/2022 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh sang thành tiền án phí. Bà P đã nộp đủ án phí hành chính sơ thẩm.

3. Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được thông đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP.Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án Dân sự TP.HCM;
- Đương sự;
- Lưu.

Vũ Bảo Nguyên

